

Số: 108/BC-UBND

Bình Định, ngày 27 tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO

### **Rà soát tiêu chuẩn đô thị Cát Khánh, huyện Phù Cát theo tiêu chí đô thị loại V và kế hoạch, lộ trình, giải pháp khắc phục các tiêu chuẩn còn chưa đạt**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả rà soát tiêu chuẩn đô thị Cát Khánh, huyện Phù Cát theo tiêu chí đô thị loại V và kế hoạch, lộ trình, giải pháp khắc phục các tiêu chuẩn còn chưa đạt, cụ thể như sau:

#### **1. Tại thời điểm công nhận xã Cát Khánh đạt tiêu chí đô thị loại V**

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn, trình tự thủ tục và cách tính điểm phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, xã Cát Khánh thuộc huyện Phù Cát đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đánh giá, công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Cát Khánh) tại Quyết định số 5094/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 với số điểm khá cao 83,87/100 điểm.

Tại thời điểm đánh giá, đô thị Cát Khánh đạt 5/5 tiêu chí và 51/59 tiêu chuẩn thành phần, trong đó, 08 tiêu chuẩn thành phần chưa đạt bao gồm: mật độ dân số toàn đô thị, cơ sở y tế cấp đô thị, cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị, tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật, nhà tang lễ, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị và tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính.

#### **2. Rà soát tiêu chuẩn đô thị Cát Khánh, huyện Phù Cát theo tiêu chí đô thị loại V và kế hoạch, lộ trình, giải pháp khắc phục các tiêu chuẩn còn chưa đạt**

Trong những năm qua, huyện Phù Cát đã nỗ lực thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã Cát Khánh. Từ một xã có nền kinh tế sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, đến nay giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng đang chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của xã và có xu hướng tăng đều qua các năm. Trong giai đoạn

2010 - 2015, giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm tới 70 - 80% thì đến giai đoạn 2015 - 2020 giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng chiếm trên 60% trong cơ cấu kinh tế của xã Cát Khánh.

Năm 2023 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phù Cát khóa XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và tỉnh có nhiều biến động phức tạp, khó lường. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nói chung và Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát nói riêng đã tập trung chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Phù Cát nói chung và xã Cát Khánh nói riêng có xu hướng phục hồi tích cực, đời sống người dân, thu nhập người lao động không ngừng được cải thiện và nâng cao. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã năm 2023 (theo giá so sánh 2010) đạt 989,03 tỷ đồng, tăng 13,74% so với cùng kỳ năm 2022; tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng chiếm 63,23% trong cơ cấu kinh tế của xã; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch; thu nhập bình quân đầu người đạt 56,20 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn 1,78%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 71,04% lao động toàn xã.

Cùng với việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội, trong những năm qua Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân huyện Phù Cát đã huy động mọi nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng đô thị trên địa bàn. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 tại Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã xác định mục tiêu tỉnh Bình Định có 18 thị trấn vào năm 2035, trong đó có thị trấn Cát Khánh, huyện Phù Cát. Thực hiện Chương trình nêu trên, huyện Phù Cát đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định lập quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 đô thị Cát Khánh có quy mô 30,74 km<sup>2</sup> (diện tích tự nhiên của toàn xã Cát Khánh) và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt<sup>1</sup>. Đến nay, đô thị Cát Khánh phát triển theo hướng văn minh, hiện đại đã được triển khai xây dựng. Các tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật ngày càng được hoàn thiện và không ngừng nâng cao, bao gồm: 01 công trình đầu mối giao thông cấp vùng liên huyện; tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đạt 16,63%; mật độ đường giao thông đạt 12,92 km/km<sup>2</sup>; diện tích đất giao thông tính trên dân số đạt 29,23 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 3,48%; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%; tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người đạt 10,29 m<sup>2</sup>/người;... đã tạo động lực lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

<sup>1</sup> Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 đô thị Cát Khánh, huyện Phù Cát.

Cùng với việc tập trung phát triển hạ tầng kỹ thuật, huyện cũng đã tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội nhằm bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình phát triển của địa phương. Các cơ sở giáo dục, y tế, trung tâm văn hóa thông tin - thể thao cũng được quan tâm đầu tư xây dựng đạt chuẩn, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của đô thị, gồm: diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 29,65 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt 97,60%; đất dân dụng bình quân đầu người đạt 112,96 m<sup>2</sup>/người; đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị đạt 8,07 m<sup>2</sup>/người; đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở đạt 5,25 m<sup>2</sup>/người; công trình văn hóa cấp đô thị là 02 công trình; công trình thể dục thể thao cấp đô thị là 02 công trình; công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị là 02 công trình;... góp phần ngày một nâng cao chất lượng sống của Nhân dân trên địa bàn.

Kết quả của chương trình phát triển, đô thị Cát Khánh đã được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V tại Quyết định số 5094/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định với số điểm khá cao (đô thị Cát Khánh đạt 83,87 điểm/100 điểm). Trong những năm vừa qua, để xây dựng và phát triển Cát Khánh tương xứng với chức năng của đô thị loại V là trung tâm đô thị du lịch, dịch vụ kinh tế biển và phát triển du lịch, dịch vụ; là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Đông bắc huyện Phù Cát. Tỉnh Bình Định nói chung và huyện Phù Cát nói riêng đã tranh thủ huy động mọi nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị, qua đó các chỉ tiêu còn yếu đã được khắc phục và hoàn thiện. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong huyện Phù Cát nói chung và xã Cát Khánh nói riêng.

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn, trình tự thủ tục và cách tính điểm phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị. Tính đến nay, đa số các tiêu chuẩn thành phần chưa đạt đã được khắc phục triệt để, một số tiêu chuẩn còn được nâng cao hơn so với quy định. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong huyện Phù Cát nói chung và xã Cát Khánh nói riêng. Tuy nhiên, vẫn còn *04/63 tiêu chuẩn thành phần vẫn còn chưa đạt (Mật độ dân số toàn đô thị, Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị, Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng và Công trình xanh)* và cần tiếp tục đầu tư hoàn thiện trong thời gian tới với kế hoạch, lộ trình và giải pháp khắc phục cụ thể như sau:

- *Mật độ dân số toàn đô thị*: Năm 2023, mật độ dân số toàn đô thị của đô thị Cát Khánh là 565 người/km<sup>2</sup>, thấp hơn so với quy định (tối thiểu đạt 1.000 người/km<sup>2</sup>) nhưng cao hơn mật độ dân số trung bình cả nước (321 người/km<sup>2</sup>). Do đó, đây không phải là tiêu chuẩn liệt theo quy định tại phụ lục 1 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ

sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Triển khai thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cát đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 đô thị Cát Khánh, huyện Phù Cát, cùng với các định hướng đầu tư phát triển của Trung ương và của Tỉnh, trong giai đoạn tiếp theo, tỉnh Bình Định nói chung và huyện Phù Cát nói riêng đã và đang thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm phát triển tiềm năng, thế mạnh của đô thị Cát Khánh; tập trung phát triển mạnh mẽ hơn nữa ngành thương mại - dịch vụ vốn đã là thế mạnh của Cát Khánh trong những năm qua; nguồn lực, các chính sách thu hút, tạo điều kiện, hỗ trợ nhà đầu tư vốn đang được thực hiện tốt trên địa bàn tỉnh Bình Định nói chung và huyện Phù Cát nói riêng đã và đang thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng trên địa bàn, qua đó tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ về dân cư, thu hút lao động, người dân từ các khu vực khác đến định cư, làm việc và tham quan. Điều này làm quy mô dân số toàn đô thị của đô thị Cát Khánh sẽ tăng nhanh trong thời gian tới, qua đó làm tăng mật độ dân số toàn đô thị, đảm bảo khắc phục triệt để tiêu chuẩn thành phần còn chưa đạt này trước năm 2030.

- *Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị*: Trên địa bàn xã Cát Khánh hiện có 01 trường mầm non (với 02 điểm trường), 02 trường tiểu học (với 04 điểm trường) và 01 trường THCS Cát Khánh với tổng diện tích xây dựng là 53.867,00 m<sup>2</sup>. Hiện trên địa bàn xã chưa có cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển về kinh tế, sự nghiệp giáo dục trên địa bàn xã Cát Khánh cũng được sự quan tâm đầu tư phát triển một cách toàn diện, đồng bộ trên các mặt, từ quy mô, chất lượng đến điều kiện dạy và học. Đội ngũ giáo viên ở các cấp học từng bước được bổ sung về số lượng, nâng cao chất lượng. Mạng lưới cơ sở giáo dục mở rộng, tạo điều kiện tăng trưởng rõ rệt về số lượng học sinh trên địa bàn. Đặc biệt, huyện Phù Cát nói chung và xã Cát Khánh nói riêng đã triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và chương trình kiên cố hóa trường, lớp học. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng phòng học bộ môn, mua sắm trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia được quan tâm chỉ đạo, xã Cát Khánh đã thực hiện lồng ghép xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia gắn với tiêu chí nông thôn mới và xây dựng trường học thân thiện.

Căn cứ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cát đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 đô thị Cát Khánh, huyện Phù Cát và Quy hoạch sử dụng đất huyện Phù Cát đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã và đang tập trung đầu tư, mở rộng các trường hiện hữu và xây mới các trường học, đặc biệt là quy hoạch xây dựng 01 trường THPT mới với diện tích 2,5 ha tại khu vực thôn Chánh Lợi. Các dự án đầu tư, mở rộng và xây mới các trường học trên địa bàn xã Cát Khánh đã được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Phù Cát và đang được đẩy nhanh triển khai

thực hiện nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tại địa bàn, đảm bảo khắc phục triệt để tiêu chuẩn còn chưa đạt này trước năm 2025.

- *Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:* trên địa bàn xã Cát Khánh hiện chưa có nhà tang lễ, hình thức an táng chủ yếu là chôn lấp tại các nghĩa trang tập trung trên địa bàn đô thị Cát Khánh, với tổng diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 61,05 ha. Quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 đô thị Cát Khánh có quy hoạch 01 nhà tang lễ với diện tích 03 ha tại khu vực đô thị ven biển. Trong thời gian tới, triển khai Quy hoạch chung đô thị Cát Khánh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sẽ chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát ưu tiên các nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng mới nhà tang lễ Cát Khánh, mở rộng nghĩa địa Cát Khánh trên cơ sở Quy hoạch chung đô thị Cát Khánh và Quy hoạch sử dụng đất huyện Phù Cát đã được phê duyệt (8 - 10 ha). Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn đô thị Cát Khánh và các xã lân cận, đảm bảo khắc phục tiêu chuẩn còn chưa đạt này trước năm 2026.

- *Công trình xanh:* hiện trên địa bàn đô thị Cát Khánh chưa có công trình xanh được cấp giấy chứng nhận theo quy định. Trong thời gian tới, triển khai Quy hoạch chung 1/5.000 đô thị Cát Khánh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sẽ chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát ưu tiên các nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa, thể dục thể thao kết hợp công viên (khu vực dọc sông Đào). Quy hoạch công viên biển Đề Gi kết hợp quảng trường du lịch biển và hệ thống công viên cảnh quan ven biển, với diện tích khoảng 493 ha, dân số quy hoạch 20.000 người, đảm bảo công trình được thiết kế, xây dựng và vận hành đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn về sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên. Đồng thời hoàn thiện các thủ tục, trình cấp có thẩm quyền công nhận công trình xanh tại khu vực này, đảm bảo khắc phục tiêu chuẩn còn chưa đạt này trước năm 2026.

Trên đây là báo cáo rà soát tiêu chuẩn đô thị Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định theo tiêu chí đô thị loại V và kế hoạch, lộ trình, giải pháp khắc phục các tiêu chuẩn còn chưa đạt (*có phụ lục đánh giá chi tiết kèm theo*), Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo và trân trọng cảm ơn Bộ Nội vụ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ CQĐP - Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- Lưu: VT, K7, K12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI V**  
**CỦA ĐÔ THỊ CÁT KHÁNH THUỘC HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng đến 31/12/2023 theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị		
			Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Đánh giá điểm đạt	Đánh giá
				Tối đa - tối thiểu			
<b>TC1</b>	<b>Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>		<b>18-13,5</b>			<b>15,50</b>	
1.1	<b>Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò</b>		<b>5 - 3,75</b>			<b>3,75</b>	
1	Vị trí, chức năng, vai trò		Là trung tâm hành chính hoặc trung tâm tổng hợp cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.	5,0	Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Đông bắc của huyện Phù Cát.	3,75	Đạt
			Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã.	3,75			
<b>1.2</b>	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>		<b>13 - 9,75</b>			<b>11,75</b>	
1	Cân đối thu chi ngân sách		Dư	2,0	Đủ (thu 154,92 tỷ đồng; Chi 154,92 tỷ đồng)	1,5	Đạt
			Đủ	1,5			
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	lần	$\geq 0,7$	2,0	0,95 lần (4,68/4,95 triệu đồng/ tháng)	2,0	Đạt
			0,5	1,5			

3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,0	Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5	Đạt
			Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5			
4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	$\geq 7,0$	2,0	13,26%	2,0	Đạt
			6	1,5			
5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	lần	$\geq 1,25$	2,0	2,63 lần	2,0	Đạt
			1,0	1,5			
6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	$< 5,0$	2,0	1,78	2,0	Đạt
			6,0	1,5			
7	Tỷ lệ tăng dân số	%	$\geq 1,2$	1,0	1,00	0,75	Đạt
			0,8	0,75			
<b>TC2</b>	<b>Quy mô dân số</b>			<b>8-6</b>		<b>7,67</b>	
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	<i>Từ 4.000 người đến 20.000 người: tối thiểu đạt 6,0 điểm, tối đa đạt 8,0 điểm</i>	8,0	17.358	7,67	Đạt
2	Dân số khu vực nội thị			6,0			
<b>TC3</b>	<b>Mật độ dân số</b>			<b>8-6</b>		<b>6,0</b>	
1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km <sup>2</sup>	$\geq 1.200$	2,0	565	0,0	Chưa đạt
			1.000	1,5			
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km <sup>2</sup>	$\geq 4.000$	6,0	5.654	6,0	Đạt
			3.000	4,5			
<b>TC4</b>	<b>Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp</b>			<b>6-4,5</b>		<b>6,00</b>	
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	<i>Từ 55% đến 65%; tối thiểu đạt 4,5 điểm, tối đa đạt 6 điểm</i>	6,0	71,04	6,0	Đạt
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị			4,5			

TC5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị			60-45		52,42	
<b>Bảng 5.A - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành, nội thị</b>				50-37,5		42,42	
I	Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống công trình hạ tầng xã hội			10-7,5		8,75	
1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở			2-1,5		2,0	
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	$m^2$ sàn/người	$\geq 28$	1,0	29,65	1,0	Đạt
			26	0,75			
2	Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố	%	$\geq 90$	1,0	97,60	1,0	Đạt
			85	0,75			
1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng			8-6		6,75	
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	$m^2$ /người	100	1,0	112,96	1,0	Đạt
			70	0,75			
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người	$m^2$ /người	$\geq 3,5$	1,0	8,07	1,0	Đạt
			3	0,75			
3	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	$m^2$ /người	$\geq 1,5$	1,0	5,25	1,0	Đạt
			1,0	0,75			
4	Cơ sở y tế cấp đô thị	giường/10.000 người	$\geq 30$	1,0	Được công nhận đạt tiêu được công nhận đạt chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế	0,75	Đạt
			25	0,75			
5	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	cơ sở	$\geq 2$	1,0	0	0,0	Chưa đạt
			1	0,75			
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	$\geq 2$	1,0	2	1,0	Đạt
			1	0,75			



7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	$\geq 2$	1,0	2	1,0	Đạt
			1	0,75			
8	Công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị	công trình	$\geq 2$	1,0	2	1,0	Đạt
			1	0,75			
<b>II</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>			<b>14-10,5</b>		<b>13,39</b>	
<b>II.1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về giao thông</b>			<b>6-4,5</b>		<b>6,0</b>	
1	Công trình đầu mối giao thông	cấp	Vùng liên huyện	1,0	Vùng liên huyện	1,0	Đạt
			Huyện	0,75			
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	$\geq 16$	1,0	16,63	1,0	Đạt
			11	0,75			
3	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km <sup>2</sup>	$\geq 6$	2,0	12,92	2,0	Đạt
			5	1,5			
4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	$\geq 7$	1,0	29,23	1,0	Đạt
			5	0,75			
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	$\geq 2$	1,0	3,48	1,0	Đạt
			1	0,75			
<b>II.2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng</b>			<b>3-2,25</b>		<b>3,0</b>	
1	Cấp điện sinh hoạt	kwh/ng/năm	$\geq 1.000$	1,0	1.123,44	1,0	Đạt
			400	0,75			
2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	$\geq 90$	1,0	100	1,0	Đạt
			80	0,75			
3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	$\geq 70$	1,0	80	1,0	Đạt
			50	0,75			
<b>II.3</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cấp nước</b>			<b>2-1,5</b>		<b>1,75</b>	
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	l/ng/ngđ	$\geq 100$	1,0	80	0,75	Đạt
			80	0,75			

2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 95$	1,0	100	1,0	Đạt
			80	1,5			
<b>II.4</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông</b>			<b>3-2,25</b>		<b>2,64</b>	
1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	thuê bao/100ng	$\geq 80$	1,0	85	1,0	Đạt
			70	0,75			
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	100	1,0	70	0,81	Đạt
			60	0,75			
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	$\geq 50$	1,0	30	0,83	Đạt
			20	0,75			
<b>III</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>			<b>14-10,5</b>		<b>13,03</b>	
<b>III.1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng</b>			<b>3-2,25</b>		<b>2,78</b>	
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	$\geq 3$	2,0	2,78	1,78	Đạt
			2,5	1,5			
2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục	%	$\geq 20$	1,0	Không có ngập úng	1,0	Đạt
			10	0,75			
<b>III.2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải</b>			<b>5-3,75</b>		<b>5,0</b>	
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	$\geq 15$	2,0	16,50	2,0	Đạt
			10	1,5			
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	$\geq 85$	1,0	100	1,0	Đạt
			70	0,75			

3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	1,0	100	1,0	Đạt
			80	0,75			
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 65	1,0	82,53	1,0	Đạt
			60	0,75			
<b>III.3</b>	<b>Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ</b>			<b>2-1,5</b>		<b>1,25</b>	
1	Nhà tang lễ	cơ sở	**	1,0	Có 01 dự án ** Đô thị loại V không xem xét tiêu chuẩn nhà tang lễ; được tính điểm tối thiểu là 0,75 điểm.	0,75	Đạt
				0,75			
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 10	1,0	Có chính sách khuyến khích, có nghĩa trang tập trung được đầu tư xây dựng theo quy hoạch hoặc có khu vực dự trữ dự kiến để xây dựng nghĩa trang thì được cộng 0,5 điểm	0,50	Chưa đạt
			5	0,75			
<b>III.4</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị</b>			<b>4 - 3</b>		<b>4,00</b>	
1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 8	4,0	10,29	4,0	Đạt
			6	3,0			
<b>IV</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị</b>			<b>12 - 9</b>		<b>10,25</b>	
1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2,0	Đã có quy chế	2,0	Đạt
			75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,5			
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh	%	≥ 30	2,0	36	2,0	Đạt
			20	1,5			

3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	dự án	$\geq 2$	2,0	2	2,0	Đạt
			1	1,5			
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	$\geq 2$	2,0	11	2,0	Đạt
			1	1,5			
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Công trình	Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia đặc biệt	2,0	Có công trình cấp tỉnh	1,5	Đạt
			Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	1,5			
6	Công trình xanh	Công trình	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	1,0	0	0,0	Chưa đạt
			Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0,75			
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	$\geq 2$	1,0	1	0,75	Đạt
			1	0,75			
<b>Bảng 5.B - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị</b>				<b>10-7,5</b>		<b>10,0</b>	<b>Đạt</b>
<b>Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị</b>						<b>87,59</b>	<b>59/63</b>

Ghi chú:

- Tiêu chí 2: Quy mô dân số toàn đô thị và dân số khu vực nội thành nội thị đánh giá là một.
- Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và tỷ lệ lao động khu vực nội thành nội thị đánh giá là một.